

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 137/HS-ST
Ngày: 27 - 9 - 2021.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Thẩm phán: Bà Trần Thị Mỹ Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bá Võ
Ông Nguyễn Hồ Cảnh
Bà Hoàng Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:
Ông Trần Nhật Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 69/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Ven Thị T; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày: 30 tháng 6 năm 1992 tại huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An; quê quán và nơi đăng ký NKTT: bản Phà K, xã Phà Đ, huyện K, Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khơ Mú; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 0/12 (Không đi học); nghề nghiệp: làm rẫy; con ông: Ven Văn Mười; tên gọi khác: Ven Văn L, sinh năm 1971 và bà Ven Thị K, sinh năm 1972; anh chị em ruột: có 05 người, bị cáo là con thứ tư; có chồng là Vi Văn T, sinh năm 1994; con: có 02 con (lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019).

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24/7/2020 bị TAND tỉnh Nghệ An xử phạt 5 năm tù giam về tội mua bán người.

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Phà Đ, huyện Kỳ S, Nghệ An – Có mặt.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn Hùng – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 3 tỉnh Nghệ An – Có mặt .

- Bị hại: Chị Kha Thị C, sinh năm: 1999

Địa chỉ: Bản Phia Cầm 1, xã Bắc L, huyện K, tỉnh Nghệ An – Có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ven Thị T lấy chồng và sinh sống tại Trung Quốc nên có quen biết Lương Thị K, sinh năm 1994, trú tại: bản Phia K 1, xã Bắc L, huyện K và một người phụ nữ tên là Thế, người dân tộc Thái, không rõ tuổi và địa chỉ cụ thể, nhưng cùng tỉnh Nghệ An và hiện đang sinh sống ở Trung Quốc. Cuối năm 2014 (không nhớ ngày tháng cụ thể), T về thăm nhà tại bản Phà Khảo, xã Phà Đ, huyện Kỳ S, tỉnh Nghệ An. Khoảng hai tuần sau khi về nhà, Lương Thị K gọi điện thoại về hỏi lúc nào T đi sang Trung Quốc? T trả lời là chuẩn bị sang. Vì vậy, K nhờ T đưa Kha Thị C, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1999, trú tại bản Phia K 1, xã Bắc L, huyện K, Nghệ An sang Trung Quốc cho K. T hỏi K đưa Cam sang Trung Quốc làm gì? thì K trả lời là để bán cho người Trung Quốc lấy làm vợ rồi K sẽ trả tiền công nên T đồng ý. Khoảng 2 ngày (sau khi K gọi điện cho T) thì người phụ nữ tên Thế cũng điện thoại về hỏi T lúc nào sang Trung Quốc? T trả lời là chuẩn bị sang. Vì vậy, Thế nhờ T đưa hai người cháu là Cụt Thị T, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2000 và Cụt Thị Rau, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2004 (là chị em ruột) đều trú tại bản Phia K 1, xã Bắc L, huyện K, tỉnh Nghệ An sang Trung Quốc giao cho Thế rồi Thế sẽ trả tiền công. Do đầu năm 2013, T đã đưa Chon Thị T, sinh năm 1979, trú tại bản Xốp Kha, xã Yên Hòa, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An sang giao cho bà Thế để bán cho đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ, nên Ven Thị T biết là bà Thế nói T đưa hai cháu T và Rau sang Trung Quốc để Thế bán cho người Trung Quốc lấy làm vợ, do đó T đồng ý. Đến ngày đi Trung Quốc thì T điện thoại thông báo cho K và Thế. T, K, Thế thống nhất là T đón các cháu C, T và R tại chợ thị trấn Mường Xén, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Chiều cùng ngày, T đi đến cổng chợ Mường Xén, huyện Kỳ Sơn chờ đến khoảng 19 giờ thì thấy Cụt Văn H, sinh năm 1978 và Cụt Văn H, sinh năm 1991, đều trú tại bản Huồi Nhúc, xã Phà Đ, huyện Kỳ S, tỉnh Nghệ An đi 02 xe máy, chở C, T và R đến giao cho T. Sau khi giao 03 cháu cho T xong thì Hình trả cho Huệ số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền xe lai rồi cùng đi về nhà.

Sau khi đón được C, T và R, T đón xe khách đưa 03 cháu về thành phố Vinh, rồi tiếp tục đưa ra thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, vượt biên bằng đường bộ đi sâu vào trong lãnh thổ Trung Quốc rồi liên lạc với K và Thế. Khi gặp nhau tại thành phố Bắc Kinh, T giao cháu Cam cho K và được K trả cho số tiền 01 vạn nhân dân tệ. Còn T, T và Rau được Thế đến đón về nhà Thế. Thế trả

công cho T 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng), T nhận tiền rồi về nhà chồng ở Trung Quốc sống.

Đối với Lương Thị K: Sau khi đưa cháu Cam về nhà, khoảng 01 tháng sau thì K bán cháu Cam cho một người đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ với giá 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng). Khoảng đầu năm 2015 (không rõ ngày tháng cụ thể) K gửi về cho anh trai ruột của mình là Lương Văn Cường, sinh năm 1993, trú tại bản Phia K 1, xã Bắc L, huyện K, Nghệ An 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và nói Cường đưa cho gia đình Kha Thị C. Cường đã giao số tiền này cho ông Kha Phò Cam, trú tại bản Phia K 1, xã Bắc L, huyện K, tỉnh Nghệ An là bố đẻ của Kha Thị C.

Ngày 20/11/2020 Kha Thị C trở về Việt Nam. Đến ngày 22/12/2020 Kha Thị C đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn tố cáo hành vi phạm tội của Ven Thị T. Tại cơ quan điều tra, Ven Thị T đã khai nhận thành khẩn toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên (BL 39, 41, 46-63, 71-72, 74, 75, 93-96).

* Về vật chứng: Số tiền thu lợi bất chính Lương Thị K trả một vạn nhân dân tệ tương đương số tiền 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng) và 6.000.000đ (sáu triệu đồng) công Thế trả bị cáo, bị cáo đã sử dụng hết, chiếc điện thoại mà bị cáo sử dụng để liên lạc với các đối tượng khác để thực hiện hành vi phạm tội đã bị mất, nên không thu giữ được.

* Về trách nhiệm dân sự: Chị Kha Thị C yêu cầu bị cáo phải bồi thường về danh dự nhân phẩm và các chi phí khác với số tiền là: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Bản Cáo trạng số 105/CT-VKS-P2 ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Ven Thị T về tội “Mua bán trẻ em” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố về tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 120; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999: Đề nghị xử phạt bị cáo Ven Thị T mức án từ 10 đến 11 năm tù về tội “Mua bán trẻ em”; Tổng hợp với hình phạt 05 (năm) tù về tội “Mua bán người” tại Bản án số 92/2020/HSST ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Buộc bị cáo Ven Thị T phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 15 - 16 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại cho người bị hại theo quy định của pháp luật;

Về biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu) số tiền thu lợi bất chính của bị cáo để sung ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Bị cáo Ven Thị T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Ven Thị T không tranh luận về phần tội danh, khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố và xét xử và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện hoàn cảnh, các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt các bị cáo mức án thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và chỉ xin giảm nhẹ hình phạt do đang nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Ven Thị T thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra cũng như các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ kết: Ven Thị T lấy chồng và sinh sống tại Trung Quốc nên quen biết Lương Thị K và một người phụ nữ tên là Thế, nhưng không rõ tuổi và địa chỉ cụ thể (Hai người này hiện đang sinh sống ở Trung Quốc). Cuối năm 2014, T về thăm nhà tại bản Phà Khảo, xã Phà Đ, huyện Kỳ S, tỉnh Nghệ An thì được K và Thế thuê T đưa các cháu: Kha Thị C, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1999, Cụt Thị T, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2000 và Cụt Thị Rau, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2004, đều trú tại bản Phia K 1, xã Bắc L, huyện K, tỉnh Nghệ An, sang Trung Quốc để K và Thế bán cho đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ. T được K trả tiền công là 10.000 (Một vạn) Nhân dân Tệ, được Thế trả tiền công 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) Việt Nam đồng. Thời điểm bị cáo Ven Thị T đưa Kha Thị C sang nước ngoài để bán lấy tiền khi cháu Cam mới được 15 tuổi 9 tháng 28 ngày. Như vậy, đủ căn cứ kết luận Cáo trạng số 105/CT-VKS-P2 ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Ven Thị T về tội “Mua bán trẻ em” quy định tại các điểm e khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[2] Do đó, các quyết định và hành vi tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo Ven Thị T vì háms lợi đã xâm phạm quyền tự do thân thể, danh dự, nhân phẩm của trẻ em, quyền được chăm sóc, giáo dục của người bị hại và coi trẻ em là

món hàng hóa để trao đổi nên cần xét xử nghiêm khắc đối với các bị cáo nhằm trừng trị và răn đe, phòng ngừa giáo dục chung. Hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, lợi dụng hoàn cảnh khó khăn, sự nhẹ dạ cả tin của người bị hại. Vì vậy, cần lên một mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự .

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Ven Thị T không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Ven Thị T khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo người dân tộc thiểu số, ở vùng đặc biệt khó khăn, bị cáo không đi học nên hạn chế về nhận thức pháp luật; người bị hại có đơn xin xử vắng mặt và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, phạm tội do nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo là người dân tộc thiểu số do đó hành vi phạm tội của bị cáo do thiếu hiểu biết và lạc hậu nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 92/2020/HS - ST ngày 24/7/2020 đã xử phạt bị cáo Ven Thị T 05 năm tù về tội "Mua bán người" nhưng chưa thi hành nên cần áp dụng Điều 56 BLHS để tổng hợp bản án.

[6] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm hoặc phạt quản chế từ một năm đến năm năm”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ đều cho thấy bị cáo điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại đơn xin xét xử vắng mặt Chị Kha Thị C yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại các khoản về danh dự, nhân phẩm sức khỏe với số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của người bị hại. Do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Kha Thị C số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

[8] Vật chứng vụ án: Xác định bị cáo T thu lợi bất chính số tiền 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng): (gồm 01 vạn nhân dân tệ và 6.000.000đ). Do đó, phải tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền này theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với Lương Thị K, sinh năm 1994, trú tại bản Phia K 1, xã Bắc L, huyện K, Nghệ An (hiện đang ở Trung Quốc) hiện tại đối tượng vắng mặt tại địa phương từ năm 2010 đến nay. Do đó, cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nghệ An tiếp tục xác minh, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau; đối với người phụ nữ tên Thế, quê quán ở huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An (Hiện đang ở Trung Quốc) Cơ quan

CSDT Công an tỉnh Nghệ An đã xác minh nhưng chưa có kết quả, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau; Cụt Văn H (Theo lời khai của Cụt Văn H - là người rủ Huệ đi xe máy lai cùng Hình chở các nạn nhân đến giao cho bị cáo. Cơ quan điều tra đã xác định: Cụt Văn H, sinh năm 1991, HKTT: bản Huồi Nhúc, xã Phà Đ, huyện Kỳ S, Nghệ An. Tuy nhiên, Hình vắng mặt tại địa phương đã lâu nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được. Do đó, Cơ quan CSDT Công an tỉnh Nghệ An sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Lương Văn Cường là người đi nhận số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) do Lương Thị K gửi về rồi giao cho gia đình Kha Thị C; Lương Văn Cường không biết việc Kha Thị C bị đưa sang Trung Quốc bán nên không có căn cứ xử lý Lương Văn Cường về Tội không tố giác tội phạm;

Đối với Cụt Thị T và Cụt Thị Rau theo lời khai của bị đưa sang Trung Quốc giao cho người phụ nữ tên Thế mục đích bán cho người Trung Quốc nhưng hiện nay chưa làm việc được với Rau và T nên chưa có căn cứ để kết luận bị cáo có hành vi bán Rau và T nên chưa có căn cứ để xét xử bị cáo T đối với hành vi đưa Rau và T sang Trung Quốc bán nên đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ đủ căn cứ để xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Ven Thị T phải chịu án phí Hình sự theo quy định của pháp luật.

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Xét thấy bị cáo Ven Thị T là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc đối tượng được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Ven Thị T 10 năm tù về tội "Mua bán trẻ em". Tổng hợp mức hình phạt 05 năm về tội "Mua bán người" tại Bản án số 92/2020/HSST ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Buộc bị cáo Ven Thị T phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 15 năm. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 584, 585 và Điều 592 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo buộc bị cáo Ven Thị T bồi thường thiệt hại cho chị Kha Thị C số tiền: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước tiền thu lợi bất chính của bị

cáo Ven Thị T số tiền 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, người phải thi hành án nếu không thi hành hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Ven Thị T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho bị cáo Ven Thị T.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải Minh

